TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/DS-PT
Ngày: 08 - 8 - 2023
"V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thanh.

Bà Lê Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023, về "Tranh chấp chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 202/2022/DS-ST, ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2023/QĐ-PT ngày 23/6/2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 20/2023/TB-TA ngày 12/7/2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê T, sinh năm 1969.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Lê D, sinh năm 1957 (Theo văn bản uỷ quyền lập ngày 06/4/2021).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Lê T1, sinh năm 1978.

2.2 Ông Lê C, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Lê Thị B, sinh năm 1967.

3.2. Ông Lê H, sinh năm 1974.

3.3 Ông Lê T2, sinh năm 1976.

3.4 Ông Lê N, sinh năm 1980.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê N*:* Ông Lê T, sinh năm 1969. Theo văn bản uỷ quyền ngày 18/02/2021.

3.5 Bà La Thị Ánh Hồng, sinh năm 1983.

3.6 Ông La Trường An.

3.7 Ông Đoàn P.

3.8 Ông Lê Văn Hòa.

3.9 Ông Lê Trường Giang.

3.10 Bà Bà H

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

3.11 Bà Lê Thị N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp E, xã V, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3.12 Bà Lê Thị P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Z, xã A, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3.13 Ngân hàng Q.

Địa chỉ: Số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Vỹ Linh, sinh năm 1979 - Chức vụ chuyên viên tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2023).

Địa chỉ: số N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.14 Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

Địa chỉ: Số R, đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền*:* Ông Trần Phạm Tính (theo văn bản uỷ quyền số 1049/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 17/9/2021).

3.15 Phòng Công chứng tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Số 02, đường Ngô Quyền, khu vực 4, phường V, thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền*:* Ông Nguyễn H - Chức vụ: Phó Trưởng phòng.

Địa chỉ: Số A, khu vực 4, phường V, thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

3.16 Công ty HP.

Địa chỉ: số N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật*:* Ông Trần D. Địa chỉ: 2B Ngô Thì Nhậm, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Lê T trình bày: Cha ruột ông là ông Lê V chết ngày 10/10/2008, mẹ ruột là bà Hồ L chết ngày 12/4/2012. Ông V và bà có 09 người con gồm: Bà Lê Thị B, ông Lê T, bà Lê Thị N, ông Lê H, ông Lê N, ông Lê T2, ông Lê T1, bà Lê Thị P và ông Lê C. Lúc sinh thời ông V và bà L có tạo lập được khối tài sản gồm đất ruộng, vườn và thổ cư với diện tích 34.350m^2, gồm các thửa 258, 321, 519, 520, 256, 257, tờ bản đồ số 05, toạ lạc tại ấp T, xã H, thành phố T, tỉnh Hậu Giang. Năm 2001, ông V và bà L chia đều đất cho các con nhưng chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng các con của ông V và bà L đã nhận đất và sử dụng từ đó cho đến nay. Đến nay ông Lê T phát hiện, vào năm 2012 ông Lê C đã giả mạo chữ ký của các anh, chị, em trong gia đình trên văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế và kê khai thiếu hàng thừa kế thứ nhất là ông Lê T2 và bà Lê Thị B để sang tên toàn bộ phần đất trên cho ông Lê C đứng tên tại các thửa 258, 321, 520, 256, 257; ông Lê T1 đứng tên thửa đất 519 mà ông T và các anh, chị, em khác trong gia đình không hay biết. Nay ông Lê T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Huỷ văn bản chia di sản thừa kế ngày 12/4/2012, chỉnh lý biến động đối với phần đất do Lê C đứng tên và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê T1 đứng tên mà cha mẹ ông T chết để lại. Chia thừa kế theo quy định của pháp luật, cụ thể là chia thành 09 phần bằng nhau, ông T yêu cầu được nhận một phần với diện tích 4.907m^2.

Ngày 05/7/2022 ông Lê T có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện. Ông T chỉ yêu cầu Toà án giải quyết chia thừa kế thửa đất số 258, 321, 520, 256, 257 tờ bản đồ số 5, tại ấp T, xã H, thành phố T, tỉnh Hậu Giang. Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết chia thừa kế là thửa đất số 519 cùng tờ bản đồ số 5 do ông Lê T1 đứng tên chủ sử dụng.

Bị đơn ông Lê C trình bày: Năm 2008, cha ông là ông Lê V chết có để lại các thửa đất 258, 321, 520, 256, 257. Vào ngày 12/4/2012 gia đình ông C có làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, theo đó mẹ ông C là bà Hồ L và các anh, chị, em của ông C đã ký tên cho ông C được đứng tên các thửa đất 258, 321, 520, 256, 257, tuy nhiên ông C chỉ đứng tên giùm các anh chị em vì lúc đó các anh chị em của ông C chưa có điều kiện tách thửa. Sau đó ông C được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất năm 2013. Vào năm 2015, ông C có cho ông Trần D thuê giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong 08 năm với số tiền 240.000.000 đồng. Lúc đó ông D có kêu ông C ký tên vào giấy tờ gì đó ông C không rõ nội dung vì mắt ông C không nhìn thấy được rõ do bị nhiễm chất độc gia cam từ nhỏ. Sau này ông C mới biết các thửa đất số 258, 321, 520, 256, 257 đã bị ông D đem thế chấp cho Ngân hàng Q. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê T thì ông C có ý kiến như sau: Ông C yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp các thửa đất 258, 321, 520, 256, 257 giữa ông C với Ngân hàng Q vô hiệu để ông C tách đất trả lại đất cho ông Lê T và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê T.

Bị đơn ông Lê T1 trình bày: Vào ngày 12/4/2012 ông T1có ký tên vào văn bản phân chia di sản thừa kế, theo đó ông T1ký tên để ông Lê C được hưởng thừa kế thửa đất 258, 321, 520, 256, 257. Tuy nhiên, việc ông T1ký tên chỉ để ông C đứng tên giùm, chứ không phải cho luôn phần ông T1được hưởng. Riêng đối với thửa đất 519, anh, chị, em của ông T1cũng có ký tên vào văn bản phân chia thừa kế ngày 12/4/2012 để ông T1đứng tên thừa kế thửa đất này. Tuy nhiên, ông T1chỉ đứng tên giùm vì lúc cha, mẹ chết các anh, chị, em của ông T1chưa có điều kiện để tách thửa.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê T đối với các thửa đất số 258, 321, 520, 256, 257 ông T1có ý kiến như sau: Ông T1 không có yêu cầu chia di sản thừa kế, phần thừa kế ông T1được hưởng ông T1sẽ tặng cho em ruột là Lê C. Đối với thửa đất 519 ông T1đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, khi nào ông T1trả xong tiền cho ngân hàng thì ông T1sẽ tách thửa cho các anh, chị, em của ông Tuấn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Thị B, bà Lê Thị N, ông Lê N, ông Lê T2, bà Lê Thị P trình bày: Các ông bà, thống nhất về quan hệ nhân thân và phần tài sản cha mẹ chết để lại. Vào ngày 12/4/2012, các anh chị em của ông bà cùng ký tên; phía bà B, bà L có lăn tay (điểm chỉ) vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản để ông Lê C đứng tên giùm. Việc ông C đem thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng thì các ông, bà không hay biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê T thì các ông, bà không có yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này, sẽ tự thỏa thuận phân chia lại quyền sử dụng đất với ông Lê C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê H trình bày: Ông thống nhất về quan hệ nhân thân và phần tài sản cha mẹ chết để lại. Trước đây vào năm 2009 ông H có mua của bà Hồ L phần đất với diện tích 4,5 công đất vị trí từ mé lộ đến mé sông với giá 80.000.000 đồng. Khi mua đất do là mẹ con nên ông H không có làm

giấy tờ, đồng thời bà L cho rằng giấy chứng nhận đang thế chấp tại ngân hàng và không rõ ngân hàng nào nên ông H chưa làm thủ tục sang tên. Đến khoảng cuối năm 2011 âm lịch, ông H và các anh, chị, em ruột trong gia đình có ký tên tặng cho em Lê C toàn bộ phần đất trên. Mục đích ông H ký tên vào hợp đồng là để tạm cho ông Lê C đứng tên để sau này dễ làm thủ tục và để canh tác sau này. Lúc ký tên vào văn bản tặng cho đất cho ông C, các anh chị em trong gia đình đều tự nguyện, không ai bị ép buộc. Đối với vụ án này ông H không có yêu cầu gì, ông H sẽ tự thoả thuận với bị đơn để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La H (vợ của ông Lê T1) vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Q trình bày: Vào ngày 15/10/2015, Ngân hàng Q (MB) - Chi nhánh Cần Thơ có ký kết hợp đồng tín dụng với Công ty HP, tổng số tiền đã giải ngân là 2.328.000.000 đồng. Để bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty HP, thì ông Lê C đã ký Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Cần Thơ vào ngày 15/10/2015, được Phòng Công chứng tỉnh Hậu Giang chứng nhận ngày 15/10/2015, gồm có tài sản đảm bảo sau: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số: 258, 321, 520, 256, 257; tờ bản đồ: 05 tại địa chỉ: ấp T, xã H huyện V, tỉnh Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G500609 (số vào sổ cấp GCN: 000092 QSDĐ) do UBND huyện V, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 01/02/1996. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định.

đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Hậu Giang giải quyết các yêu cầu sau: Tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy văn bản chia di sản thừa kế ngày 12/4/2012, chỉnh lý biến động đối với phần đất do ông Lê C đứng tên. Không chấp nhận chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Strình bày: Thửa đất số 519, tờ bản đồ số 05, lại đất T, diện tích 532m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00423 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Hậu Giang, cấp ngày 17/04/2013 do ông Lê T1 đứng tên chủ sử dụng đất. Ông Lê T1 ký hợp đồng thế chấp và đã đăng ký thế chấp thửa đất này cho Ngân hàng TMCP S. Do đó mọi vấn đề phát sinh liên quan đến tài sản thế chấp làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng S thì ông Lê T1 phải thanh toán toàn bộ dư nợ cho ngân hàng theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty HP có đại diện theo pháp luật là ông Trần D vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng tỉnh Hậu Giang có đại diện hợp pháp là ông Nguyễn H trình bày: Việc ông Lê T cho rằng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 12/4/2012 không đúng quy định của pháp luật là không có cơ sở. Vì tại thời điểm ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật thì những người thừa kế theo pháp luật hoàn toàn tự nguyện, tại thời điểm công chứng những người thừa kế đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung của văn bản không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, những người hưởng thừa kế đã tự đọc, được nghe Công chứng viên giải thích quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc phân chia thừa kế, những người thừa kế đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, đã ký, điểm chỉ, ghi rõ họ tên vào văn bản thoản thuận phân chia di sản thừa kế trước mặt Công chứng viên. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là đúng theo quy định của Luật Công chứng năm 2006. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông La Atrình bày:

Vào ngày 16/6/2015 cha ruột ông Alà ông La Thanh Hiếu có mượn đất của ông Lê T1 khoảng 11.000m^2 đất (vị trí từ phía sau nhà ông Lê V là cha ông Tuấn) đến tới Kênh 500, thời gian mượn là 04 năm. Đến ngày 16/6/2019 cha ông Amới thuê lại phần đất nêu trên (lúc đó ông Lê C đứng ra cho thuê), thời gian thuê là 06 năm, đến ngày 16/6/2025 thì hết hạn thuê, tiền thuê đất 72.000.000 đồng, tiền thuê đất cha ông Adã trả đủ cho ông Lê C vào tháng 11/2015, lấy tiền thuê đất trước 04 năm. Vào ngày 31/5/2021 cha ông Alà ông La Thanh Hiếu chết và ông Aquản lý và sử dụng phần đất trên cho đến nay. Hiện tại trên phần đất này ông Atrồng khoảng 40.000 cây khóm đang chuẩn bị thu hoạch.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê T thì ông La Acó ý kiến như sau: Ông Ayêu cầu được sử dụng đất đến hết ngày 16/6/2025 theo như hợp đồng thuê đất ban đầu. Trường hợp Tòa án giao phần đất ông Ađang canh tác cho ông T sử dụng thì ông Lê T phải bồi thường tiền thuê đất, tiền hoa màu trên đất, tiền cải tạo đất (thuê người lên líp, mỗi công 2,3 triệu).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn P trình bày:

Vào tháng 7/2018 ông P có thuê của ông Lê N một líp đất (diện tích khoảng 03 công tầm lớn) với giá 3.000.000/líp/năm, trả tiền hàng năm, thời gian thuê là 8 năm, đến tháng 7/2026 thì hết hạn hợp đồng. Ông P đã canh tác được 3 năm, tiền thuê đất ông P trả cho ông Lê T do ông Lê N đi làm ăn xa. Hiện tại trên phần đất ông P đang thuê, ông P đã trồng khoảng 8.000 cây khóm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê T thì ông Đoàn P có ý kiến như sau:

Ông P yêu cầu được sử dụng đất đến hết tháng 7/2026 theo như hợp đồng thuê đất ban đầu. Trường hợp Tòa án chia phần đất ông P đang thuê cho ai thì ông P sẽ trả tiền thuê đất cho người đó. Trường hợp ông T lấy lại đất thì ông T phải bồi thường giá trị cây trồng trên đất cho ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Hoà trình bày:

Vào tháng 7/2018 ông H có thuê của ông Lê N một líp đất (diện tích khoảng 2,5 công tầm lớn) với giá 2.000.000/líp/năm, trả tiền hàng năm, thời gian thuê là 8 năm, đến tháng 7/2026 thì hết hạn hợp đồng. Ông H đã canh tác được 3 năm, tiền thuê đất ông H trả cho ông Lê T do ông Lê N đi làm ăn xa. Hiện tại trên phần đất ông H đang thuê thì ông H đã trồng khoảng 6.000 cây khóm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê T ông H có ý kiến như sau: Ông H yêu cầu được sử dụng đất đến hết tháng 7/2026 theo như hợp đồng thuê đất ban đầu. Trường hợp Tòa án chia phần đất ông H đang thuê cho ai thì ông H sẽ trả tiền thuê đất cho người đó. Trường hợp ông T lấy lại đất thì ông H yêu cầu ông T phải bồi thường giá trị cây trồng trên đất cho ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Gtrình bày:

Vào tháng 7/2018 ông Gcó thuê của ông Lê N một líp đất (diện tích khoảng 03 công tầm lớn) với giá 3.000.000/líp/năm, trả tiền hàng năm, thời gian thuê là 8 năm, đến tháng 7/2026 thì hết hạn hợp đồng. Ông Gđã canh tác được 3 năm, tiền thuê đất ông Gtrả cho ông Lê T do ông Lê N đi làm ăn xa. Hiện tại trên phần đất ông Gđang thuê thì ông Gđã trồng khoảng 12.000 cây khóm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê T thì ông Gcó ý kiến như sau: Ông Gyêu cầu được sử dụng đất đến hết tháng 7/2026 theo như hợp đồng thuê đất ban đầu. Trường hợp Tòa án chia phần đất ông Gđang thuê cho ai thì ông Gsẽ trả tiền thuê đất cho người đó. Bên nào lấy lại đất và chấm dứt hợp đồng thì phải bồi thường giá trị cây trồng trên đất là 25.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bà H trình bày:

Vào khoảng năm 2018 có thuê của ông Lê C 04 líp đất (diện tích cụ thể bao nhiêu thì không rõ) với giá thuê 5.000.000 đồng/04 líp/năm, trả tiền hàng năm, thời gian thuê là 8 năm, đã canh tác được 05 năm, còn 03 năm nữa là hết hạn thuê. Lúc đầu bà Htrả tiền thuê đất cho ông Lê C được 30.000.000 đồng, sau đó trả cho Lê H 10.000.000 đồng, tổng công đã 40.000.000 đồng tiền thuê đất, hiện tại bà Hđã đủ tiền thuê đất cho 08 năm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê T bà H có ý kiến như sau: Bà H yêu cầu được sử dụng đất đến hết năm 2025 theo như hợp đồng thuê đất ban đầu.

Trường hợp Tòa án chia thừa kế phần đất bà Hđang thuê thì bà Hyêu cầu ông Lê H phải trả lại cho bà H10.000.000 đồng tiền thuê đất đã trả đồng thời phải bồi thường số lượng khóm của bà Hđang trồng. Hiện tại trên phần đất bà Hđang thuê thì bà Hđã trồng khoảng 7.000 cây khóm, hiện đang thu hoạch trái năm đầu tiên. Giá khóm hiện tại là khoảng 6.000 đồng/trái loại nhất. Khóm loại nhỏ khoảng 3.000 đồng/trái. Tổng số giá trị khóm hiện tại là 35.000.000 đồng. Ngoài ra, hiện tại trên phần đất thuê bà Hđã trồng 60 cây chanh không hạt, đang thu hoạch trái, lúc mua cây giống có giá là 18.000 đồng/cây.

Trường hợp Tòa án giao phần đất bà Hđang thuê cho ai thì người đó phải bồi thường giá trị khóm cho bà Hlà 35.000.000 đồng và bồi thường 60 cây chanh không hạt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 202/2022/DS-ST, ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê T về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 258, 321, 520, 256, 257, tờ bản đồ số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận số 000092, cấp ngày 01/2/1996 cho ông Lê V, tọa lạc tại ấp T, xã H Thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê T về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất 519, diện tích 532m^2, tờ bản đồ số 5, tại ấp T, xã H thành phố T, tỉnh Hậu Giang do ông Lê T1 đứng tên chủ sử dụng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định.

Ngày 04/11/2022, nguyên đơn ông Lê T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét: Huỷ văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 12/4/2012, có công chứng của Phòng Công chứng tỉnh Hậu Giang; Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 521 có diện tích 13.322m^2 và thửa số 519 có diện tích 532m^2 do ông Lê T1 đứng tên QSDĐ; Chia di sản của cha mẹ ông để lại cho các anh chị em và ông yêu cầu được nhận một phần với diện tích 4.907m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Lê T, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét việc bà Hồ L lăn tay vào văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật lập ngày 12/4/2012 là lúc trong tình trạng hấp hối sức khoẻ kém, khoảng hơn 01 tiếng sau bà L chết nên chứng tỏ bà L không còn minh mẫn nên không có giá trị pháp lý. Các anh em của ông T ký

tên văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế là chỉ để cho ông C, ông T1đại diện đứng tên giùm do lúc đó chưa có điều kiện tách thửa.

Các bị đơn ông Lê C và ông Lê T1 đều thừa nhận là anh chị em của các ông tự nguyện ký tên, lăn tay vào văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật lập ngày 12/4/2012 có sự chứng kiến của công chứng viên. Việc anh chị em của các ông ký tên vào văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế là để đại diện đứng tên giùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, các thửa đất các ông được đứng tên đã được thế chấp tại Ngân hàng.

Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Toà án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy văn bản chia di sản thừa kế ngày 12/4/2012, chỉnh lý biến động đối với phần đất do ông Lê C đứng tên. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần đất đang thế chấp tại Ngân hàng. Tại thời điểm Lê C ký hợp đồng thế chấp là tự nguyện, đất không có tranh chấp, không thuộc trường hợp kê biên thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét nội dung kháng cáo của ông Lê T, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lê T có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273, Điều 274, Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp các đương sự thống nhất của ông Lê V và bà Hồ L tạo lập. Ngày 01/02/1996, ông Lê V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 34.350m2, phần đất toạ lạc tại ấp T, xã H, thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

[2.1] Theo giấy trích lục khai tử thì ông Lê V chết ngày 10/10/2008. Theo giấy xác nhận tự khai về tình trạng hộ tịch của ông Lê T và các đương sự trong vụ án

đều thừa nhận ông V và bà L có tất cả 09 người con gồm: Bà Lê Thị B, ông Lê T, bà Lê Thị N, ông Lê H, ông Lê T1, ông Lê T2, ông Lê N, bà Lê Thị P, ông Lê C. Hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông Lê V gồm vợ là bà Hồ L và 09 người con được nêu như trên.

[2.2] Đến ngày 12/4/2012 hàng thừa kế thứ nhất của ông V gồm vợ là bà Hồ L và 09 người con đã ký tên, lăn tay vào văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật, có sự chứng kiến của công chứng viên Phòng công chứng tỉnh Hậu Giang. Theo đó, tất cả hàng thừa kế của ông Lê V đã thống nhất tặng cho phần di sản thừa kế của mình để cho ông Lê C đứng tên các thửa đất 258, 321, 520, 256, 257 và ông Lê T1 được đứng tên chủ sử dụng thửa đất số 519, 521.

[2.3] Đến ngày 11/4/2013, ông Lê C được chỉnh lý trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận thừa kế các thửa đất 258, 321, 520, 256, 257 và ông Lê T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất thửa đất 519, 521 nhưng các anh chị em của ông C, ông T1không phản đối và có tranh chấp gì.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị B, ông Lê T, bà Lê Thị N, ông Lê H, ông Lê T1, ông Lê T2, ông Lê N, bà Lê Thị P, ông Lê C thừa nhận có ký tên, lăn tay vào văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 12/4/2012. Xét, về hình thức và nội dung của văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 12/4/2012 đã đầy đủ hàng thừa kế thứ nhất của ông V, tại thời điểm ký tên, điểm chỉ các đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký tên, điểm chỉ của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, lừa dối và văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế đã được công chứng đúng quy định trình tự theo điều 36, 49 của Luật công chứng năm 2006.

[2.5] Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông T cho rằng khi bà L lăn tay vào văn bản phân chia di sản thừa kế là lúc trong tình trạng hấp hối sức khoẻ kém, khoảng hơn 01 tiếng sau bà L chết nên chứng tỏ bà L không còn minh mẫn và cho rằng các anh, chị em ông T ký tên vào văn bản phân chia thừa kế là để ông Tuấn, ông C đứng tên giùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của ông T không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho vấn đề nêu trên.

Do vậy, việc ông T cho rằng đến khi Ngân hàng TMCP Q có yêu cầu khởi kiện liên quan đến việc đề nghị xem xét xử lý tài sản thế chấp là phần đất tranh chấp hiện nay nên ông mới biết và có yêu cầu khởi kiện đến các bị đơn để yêu cầu huỷ văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật lập ngày 12/4/2012,

huỷ giấy chứng nhận QSDĐ đã chỉnh lý sang tên cho ông C và có yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật là không có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy ông Lê T là người kháng cáo nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo của ông là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 36, 40, 43 của Luật công chứng năm 2006;

Điều 99, 100 của Luật đất đai năm 2014;

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 616, 649 của Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê T về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 258, 321, 520, 256, 257, tờ bản đồ số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận số 000092, cấp ngày 01/2/1996 cho ông Lê V, tọa lạc tại ấp T, xã H thành phố T, tỉnh Hậu Giang.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê T về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất 519, diện tích 532m2, tờ bản đồ số 5, tại ấp T, xã H thành phố T, tỉnh Hậu Giang do ông Lê T1 đứng tên chủ sử dụng.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, vẽ lược đồ và định giá tài sản tranh chấp: Buộc nguyên đơn ông Lê T phải nộp là 41.235.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Ông Lê T đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Lê T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.936.000 đồng (Mười triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006422 ngày 04 tháng 6 năm

2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Ông Lê T được nhận lại số tiền 10.636.000 đồng (Mười triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Lê T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0001733 ngày 07/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 08/8/2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang
- TAND TP. Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP. Vị Thanh;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Quốc Tuấn